

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC07QLBN (Quản Lý Bình Thuận GDTX)

Môn Học Khoa học đất cơ bản (909701-01)

CBGD

Phan Văn Tự

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07224121	HUỖNH NGỌC	AN			1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07224122	VÕ THÀNH	AN			2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07224001	HOÀNG THỊ NGÔ LAN	ANH	02	6	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	07224002	BÙI VĂN	BA	02	7	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07224003	MAI VĂN	BẢO	02	6	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	07224098	NGUYỄN ĐÌNH	CẢNH			6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	07224004	NGUYỄN XUÂN	CẢNH	02	5	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	07224006	BÙI VĂN	CHÂU	02	5	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	07224005	THÁI HỒNG	CHÂU			9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	07224007	LA MINH	CHIẾN	02	6	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	07224008	TRẦN VĂN	CHƯƠNG	02	6	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	07224009	HUỖNH VĂN	CÔNG	02	7	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	07224010	TRẦN MINH	CƯƠNG	02	7	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	07224011	HỒ HUY	CƯỜNG	02	8	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	07224012	LÊ TẤN TRÍ	CƯỜNG	02	8	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	07224013	ĐẶNG THỊ	DIỄN	02	8	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	07224014	TRẦN NGỌC	DIỄN	02	7	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	07224016	LÊ THANH	DŨNG			18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	07224015	NGUYỄN	DŨNG	02	7	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	07224017	BÙI ĐẮC	ĐIỂM	02	5	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	07224018	LÝ BẢO	ĐIỄN	02	6	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	07224019	NGUYỄN THANH	DỨC			22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	07224124	TRẦN VĂN RI	EM	2	7	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	07224125	HUỖNH THỊ KIM	HÀ	2	7	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	07224020	NGUYỄN VĂN	HAI	2	7	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	07224022	ĐOÀN LÊ	HÀI	2	6	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	07224021	NGUYỄN ĐỨC	HÀI	2	6	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	07224024	NGUYỄN VĂN	HÀI	2	5	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	07224023	PHAN THANH	HÀI			29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	07224127	TRẦN LƯƠNG NAM	HÀI	2	6	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	07224025	LÊ THỊ THANH	HÀNH	02	7	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	07224026	NGUYỄN THỊ	HÀNH	02	6	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC07QLBN (Quản Lý Bình Thuận GDTX)
Môn Học Khoa học đất cơ bản (909701-01)
CBGD

Phan Văn Tự

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên													
33	07224027	LÊ THỊ NGỌC	HÀNG	ng	02	5	1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
34	07224128	TRẦN THỊ THÚY	HÀNG	Th	02	6	2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
35	07224107	HUỖNH CẨM	HÂN	hahach	02	7	3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
36	07224028	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	huyphuc	02	6	4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
37	02214021	NGUYỄN XUÂN	HIẾU				5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
38	07224029	NGUYỄN THỊ TRÚC	HOA	ngythuc	02	6	6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
39	07224030	LỤC TẤN	HÒA	LH	2	6	7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
40	07224032	LÊ THỊ	HOÀNG	LH	2	6	8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
41	07224031	VÕ DUY	HOÀNG	vd	1	5	9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
42	07224033	NGUYỄN VĂN	HỒ	nv	2	5	10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
43	07224130	NGUYỄN	HỢI	hoy	2	6	11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
44	07224099	MẠC SĨ	HÙNG	ms	2	6	12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
45	07224132	NGUYỄN THANH	HÙNG				13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
46	07224034	TRẦN MINH	HÙNG	tm	2	7	14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
47	07224035	LÊ VŨ	HUY	LH	2	6	15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
48	07224133	HỒ HỮU	HÙNG				16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
49	07224036	NGUYỄN THỊ KIM	KHAI	nk	2	7	17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
50	07224134	LẠI DUY	KHANH	ld	2	6	18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
51	07224037	NGUYỄN DUY	KHANH	nd	2	6	19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
52	07224135	NGUYỄN HOÀI	KHANH				20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
53	07224038	ĐÀO DUY	KHÁNH	dd	2	6	21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
54	07224039	PHẠM VĂN	KHÁNH	pv	2	6	22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
55	07224136	ĐỖ HOÀNG ĐĂNG	KHOA	dh	2	6	23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
56	07224137	TRẦN NGỌC	KHOA				24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
57	07224041	LẠI XUÂN	KIÊN	lx	02	6	25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
58	07224040	LÊ HỮU PHÙNG TRUNG	KIÊN	lh	02	6	26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
59	07224138	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	nt	02	5	27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
60	07224139	MAI NGỌC	KIM	mn	02	6	28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
61	07224140	NGUYỄN THẠCH	LAM	nt	02	6	29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
62	07224141	VÕ NGỌC HOÀNG PHỤNG	LAN	vn	02	5	30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
63	07224100	NGUYỄN ĐỨC	LINH	nd	1	6	31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
64	07224042	PHAN NGỌC	LINH	pn	2	6	32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC07QLBN (Quản Lý Bình Thuận GDTX)
Môn Học Khoa học đất cơ bản (909701-01)
CBGD

Phan Văn Tự

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	07224043	BÙI THANH LONG	<i>Long</i>	02	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	07224104	NGUYỄN TẤN LONG	<i>Tấn</i>	02	6	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	07224044	NGUYỄN PHÚC LỘC	<i>Phúc</i>	02	6	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	07224045	NGUYỄN THÀNH LUÂN	<i>Thy</i>	02	6	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
69	07224046	BÁ QUỐC LUẬT	<i>Quốc</i>	02	6	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	07224047	NGUYỄN THỊ LUÂN	<i>Thy</i>	02	6	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
71	07224048	LÊ VĂN LUYẾN	<i>Văn</i>	02	6	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
72	07224101	ĐỖ HÙNG MINH	<i>Hùng</i>	02	6	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
73	07224049	NGUYỄN HỮU NAM	<i>Hữu</i>	1+1	5	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
74	07224144	TRẦN THỊ MỸ NGÀ	<i>Mỹ</i>	1+1	5	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
75	07224050	NGUYỄN DUY NGHI				11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
76	07224145	NGUYỄN DUY NGHI	<i>Duy</i>	1+1	6	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
77	07224051	HUỖNH TẤN NGHĨA	<i>Tấn</i>	1+1	7	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
78	07224146	NGUYỄN TRUNG NGHĨA				14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
79	07224102	HOÀNG VĂN KHÔI NGUYỄN				15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
80	07224147	LÊ ĐẠI NGUYÊN	<i>Đại</i>	1+1	7	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
81	07224052	VÕ THỊ MINH NGUYỆT	<i>Minh</i>	1+1	7	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
82	07224149	LÊ NGỌC NHÂN	<i>Ngoc</i>	1+1	7	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
83	07224151	LÊ TRUNG NHÂN				19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
84	07224054	NGUYỄN THÀNH NHÂN	<i>Thành</i>	1+1	7	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
85	07224150	NGUYỄN THÀNH NHÂN	<i>Thành</i>	1+1	7	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
86	07224053	VĂN SĨ NHÂN	<i>Sĩ</i>	1+1	7	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
87	07224153	NGUYỄN THỊ HUYỀN NHI	<i>Huyen</i>	1+1	7	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
88	07224055	NGUYỄN THỊ THANH NHI				24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
89	07224056	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG				25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
90	07224154	TRẦN THỊ LAN NHUNG	<i>Thanh</i>	1+1	7	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
91	07224156	NGUYỄN NGỌC NỮ	<i>Ngoc</i>	1+1	7	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
92	07224057	TRẦN THỊ THANH PHONG	<i>Thanh</i>	1+1	7	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
93	07224058	NGUYỄN VĂN PHÚ	<i>Phuc</i>	1+1	7	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
94	07224159	NGUYỄN THÀNH PHÚC	<i>Thanh</i>	1+1	7	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
95	07224158	TRẦN HOÀI PHÚC	<i>Phuc</i>	1+1	6	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
96	07224059	TRẦN VĂN PHÚC	<i>Phuc</i>	1+1	7	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC07QLBN (Quản Lý Bình Thuận GDTX)

Môn Học Khoa học đất cơ bản (909701-01)

CBGD

Phan Văn Tự

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
97	07224161	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG				1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
98	07224061	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	<i>Phuoc</i>	1+1	6	2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
99	07224060	PHẠM THỊ ANH PHƯƠNG	<i>Phuoc</i>	1+1	7	3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
100	07224062	TẶNG THỊ ÁNH PHƯƠNG	<i>Phuoc</i>	1+1	7	4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
101	07224162	LÊ HỮU QUANG				5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
102	07224163	NGUYỄN VŨ NHẬT QUANG	<i>Phuoc</i>	1+1	7	6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
103	07224164	TRẦN THIÊN QUỐC				7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
104	07224063	DƯƠNG BÁ QUÝ	<i>Quoc</i>	1+1	7	8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
105	07224064	LÊ VIỆT TRƯỜNG SINH	<i>Phuoc</i>	1+1	6	9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
106	07224165	ĐẶNG BÁ SON	<i>Son</i>	1+1	6	10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
107	07224106	NGÔ MINH TÂM				11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
108	07224166	NGUYỄN THANH TÂM	<i>Tam</i>	1+1	6	12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
109	07224167	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	<i>Tam</i>	1+1	6	13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
110	07224168	NGUYỄN VĂN TÂM	<i>Tam</i>	1+1	6	14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
111	07224169	TRẦN NGỌC TẤN	<i>Tan</i>	1+1	6	15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
112	07224170	TRƯƠNG QUỐC TẤN	<i>Tan</i>	1+1	6	16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
113	07224067	HOÀNG KIM THÀNH				17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
114	07224171	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	<i>Thao</i>	1+1	7	18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
115	07224172	PHẠM THỊ MỸ THẨM				19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
116	07224105	BÙI DUY THỊNH				20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
117	07224069	BÙI QUỐC THỊNH	<i>Phuoc</i>	1+1	7	21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
118	07224173	ĐỖ PHÚC THỊNH	<i>Phuoc</i>	1+1	6	22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
119	07224070	TRẦN TRƯỜNG THỊNH	<i>Phuoc</i>	1+1	6	23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
120	07224174	NGUYỄN THỊ THO	<i>Phuoc</i>	1+1	7	24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
121	07224071	LÊ NGỌC THO				25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
122	07224072	NGÔ THỊ KIM THOA	<i>Phuoc</i>	1+1	6	26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
123	07224073	HUỲNH THỊ NGỌC THƠ	<i>Phuoc</i>	1+1	7	27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
124	07224176	LÊ THỊ THUẬN	<i>Phuoc</i>	1+1	7	28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
125	07224177	LÊ BÙI THANH THỦY				29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
126	07224074	TRẦN THU THỦY	<i>Phuoc</i>	1+1	7	30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
127	07224075	NGÔ THỊ THUYẾT	<i>Phuoc</i>	1+1	7	31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
128	07224178	BÙI TẤN THƯƠNG	<i>Phuoc</i>	1+1	7	32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC07QLBN (Quản Lý Bình Thuận GDTX)
Môn Học Khoa học đất cơ bản (909701-01)
CBGD

Phan Văn Tự

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
129	07224076	VÕ KIỀU TIỀN		1+1	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
130	07224179	ĐẶNG MINH TIẾN		1+1	6	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
131	07224077	NGUYỄN MINH TIẾN		1+1	6	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
132	07224078	NGUYỄN VĂN TIẾN		1+1	7	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
133	07224079	NGUYỄN XUÂN TIẾN		1+1	6	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
134	07224080	VÕ NGỌC TÍN				6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
135	07224081	PHAN VĂN TÍNH		1+1	6	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
136	07224181	MAI SONG TOÀN		1+1	6	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
137	07224082	DƯƠNG MINH TRÍ		1+1	6	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
138	07224083	LÊ NGUYỄN CHUÂN TRINH		1+1	8	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
139	07224182	NGÔ DUY TRUNG		1+1	6	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
140	07224108	LÊ NGỌC TRƯỜNG		1+1	6	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
141	07224085	TRƯƠNG QUANG ANH TÚ		1+1	6	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
142	07224183	BÙI NGỌC TUẤN		1+1	6	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
143	07224086	HUỲNH TẤN TÙNG		1+1	6	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
144	07224087	LÂM DUY TỰ		1+1	6	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
145	07224088	BÙI THANH TỨC		1+1	6	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
146	07224090	ĐÀO THỊ THÚY VÂN		1+1	8	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
147	07224185	TRẦN HỮU VINH		1+1	6	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
148	07224093	TRẦN THANH VINH		1+1	6	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
149	07224091	VĂN ĐĂNG VINH		1+1	6	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
150	07224092	VÕ NGUYỄN HOÀNG VINH				22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
151	07224095	LÊ HOÀNG VŨ		1+1	7	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
152	07224094	VÕ ANH VŨ		1+1	6	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
153	07224096	NGUYỄN VÕ QUỐC VƯƠNG		1+1		25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
154	07224097	PHAN VĂN VƯƠNG		1+1	6	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10